

Số: 17/2022/QĐST-DS

Y, ngày 29 tháng 11 năm 2022.

**QUYẾT ĐỊNH**  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;  
Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;  
Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 21 tháng 11 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 96/2022/TLST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2022.

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1983.

Địa chỉ cư trú: Xóm R, xã L, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

**Bị đơn:** Anh Phan Trọng M, sinh năm 1983.

Địa chỉ cư trú: Xóm 11, xã Công Thành, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

**Người có quyền lợi, Nghĩa vụ liên quan:**

+/ Anh Phạm Văn T, sinh năm 1975.

Địa chỉ cư trú: Xóm R, xã L, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

+/ Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1987.

Địa chỉ cư trú: Xóm 11, xã C, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Anh Phan Trọng M, chị Nguyễn Thị H có Nghĩa vụ trả nợ cho chị Nguyễn Thị N và anh Phạm Văn T số tiền 50.000.000 đ (Năm mươi triệu) đồng.

3. Về án phí: Thoả thuận anh Phan Trọng M, chị Nguyễn Thị H chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.250.000 đ (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng.

Chị Nguyễn Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho chị N số tiền: 1.200.000 đ (Một triệu hai trăm nghìn) đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Y theo biên lai thu tiền số: 0012415 ngày 10/10/2022.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- VKSND H.Y;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Lê Thị N**

**Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:**

- (1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).
- (2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).
- (3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).
- (4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.
- (5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).